

## BÁO CÁO

**Sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về Chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về Chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 05-NQ/TU); trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 923/STTTT-BCVT&CNTT ngày 29/6/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU như sau:

### PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU

#### I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

- Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện tại cơ quan, địa phương mình, trong đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp gắn với từng chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp như: cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền; thúc đẩy chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực cần ưu tiên.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh (*Nay là Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định theo Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*) do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban; đồng thời phân công đồng chí Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó trưởng Ban Chỉ đạo phụ trách chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số; căn cứ vào Kế hoạch của tỉnh, các ngành, địa phương đều xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị để triển khai thực hiện.

- Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh thường xuyên duy trì chế độ họp, tổ chức hội nghị với các sở, ngành, các địa phương. Trưởng Ban Chỉ đạo thường xuyên kiểm điểm kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số thuộc ngành, địa phương mình phụ trách; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, địa phương mình.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THEO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Công tác truyền thông, thúc đẩy chuyển đổi số**

- Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tập trung tuyên truyền các nội dung chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số để thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, cho cộng đồng, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định đã thực hiện lập chuyên mục chuyển đổi số, đăng tải tuyên truyền về chuyển đổi số trong ngành, nghề, lĩnh vực góp phần lan tỏa nhận thức chuyển đổi số trong cộng đồng.

- Sở Thông tin và Truyền thông với vai trò là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm để phổ biến, quán triệt các nội dung nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, năm 2023, tỉnh

Bình Định được chọn đăng cai tổ chức Hội thảo hợp tác phát triển Hội thảo Hợp tác phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam lần thứ 24; Hội thảo đã thu hút gần 1.000 đại biểu đến từ các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành trong cả nước tham gia. Hội thảo góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số và kết nối, chia sẻ trong xu hướng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, góp phần xây dựng Chính quyền điện tử hiện đại, đồng bộ, đẩy mạnh cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện cập nhật thông tin về chuyển đổi số trên chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Bình Định tại địa <https://chuyendoiso.binhdingh.gov.vn>; truyền thông, lan tỏa sâu rộng thông điệp Ngày Chuyển đổi số quốc gia cùng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác chuyển đổi số, các nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng của các địa phương; Đoàn viên Thanh niên trên địa bàn tỉnh ra quân phát động hưởng ứng ngày Chuyển đổi số.

## **2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách**

Từ 2021 - 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể hóa, tạo điều kiện môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nhiều quyết định, kế hoạch liên quan đến ứng dụng phát triển công nghệ thông tin (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

## **3. Phát triển hạ tầng số**

### **a. Hạ tầng viễn thông**

- Với mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông để không chỉ đảm bảo thông tin liên lạc mà là hạ tầng của kinh tế số, xã hội số, hạ tầng kết nối vạn vật; trong những năm qua các doanh nghiệp viễn thông đã tập trung nâng cao năng lực cơ sở hạ tầng mạng lưới đáp ứng yêu cầu phục vụ các cơ quan đảng, chính quyền cũng như phục vụ nhu cầu sử dụng viễn thông - công nghệ thông tin của người dân, doanh nghiệp, làm hạt nhân tạo sức lan tỏa mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet (trong đó, gồm 04 Doanh nghiệp lớn, chủ đạo: Viettel,

Vinaphone, Mobifone, Vietnamobile); tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 100% tại trung tâm các xã, thị trấn và 99,9% các thôn (chỉ còn 01 thôn chưa có điện và chưa có sóng di động là làng O2, xã Vĩnh kim, huyện Vĩnh Thạnh). Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% các xã, phường, thị trấn, 98,7% các thôn và 75% hộ gia đình. Tổng số thuê bao điện thoại di động hơn 1,6 triệu thuê bao, trong đó: tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 78,8%; thuê bao băng rộng di động đạt 1.093.893 và thuê bao băng rộng cố định đạt 342.904. Ngoài ra, Viettel Bình Định đã tổ chức thí điểm mạng 5G, với 05 trạm trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

- Hạ tầng mạng viễn thông tỉnh Bình Định về cơ bản đáp ứng đầy đủ các nhu cầu phát triển dịch vụ hiện tại, có khả năng nâng cấp để đáp ứng các dịch vụ mới. Hạ tầng mạng cáp đã đáp ứng các nhu cầu về sử dụng dịch vụ của người dân. Công nghệ phát triển: 4G, Internet băng rộng... cho phép cung cấp các dịch vụ với chất lượng tốt hơn, nhiều giải pháp xây dựng hạ tầng hiệu quả và nhanh chóng hơn.

#### b. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được đầu tư nâng cấp với 25 máy chủ vật lý để quản lý các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành, cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; trang bị các hệ thống thiết bị bảo mật, an ninh thông tin như tường lửa và các phần mềm phòng, chống virus, sử dụng chứng thư số chuyên dùng bảo vệ cho việc truy cập máy chủ ứng dụng, máy chủ bảo mật... Ngoài ra, các sở, ngành đã thuê dịch vụ công nghệ thông tin để vận hành các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã được triển khai rộng khắp phục vụ cho việc thiết lập kênh truyền riêng và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được thông suốt, an toàn, bảo mật (gồm: 37 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và 11 Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn) và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I của Trung ương.

- Hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối xuyên suốt từ khối cơ quan đảng, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu tổ chức các cuộc họp từ 4 cấp chính quyền theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã cũng đã tập trung triển khai nâng cấp hạ tầng CNTT cơ bản (mạng LAN, hệ thống máy tính) để phục vụ cho việc triển khai chuyển đổi số và Đề án 06 tại địa phương.

#### **4. Phát triển các hệ thống, nền tảng số và dữ liệu số**

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) được duy trì hoạt động ổn định phục vụ kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Đến nay đã kết nối chính thức được 05 hệ thống (gồm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống Văn phòng điện tử tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia).

- Thực hiện xây dựng, đưa vào sử dụng thử nghiệm Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh và các hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành các hệ thống ưu tiên triển khai: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống thông tin quản lý khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học (cơ sở dữ liệu về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Hệ thống thông tin một cửa điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước: Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được xây dựng đáp ứng các yêu cầu mới của Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông về khai thác dữ liệu dân cư; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh không bị gián đoạn trong phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; được triển khai sử dụng ở 100% các cơ quan nhà nước tại 3 cấp tỉnh, huyện, xã để thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Hệ thống văn phòng điện tử đã được triển khai tới 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia, hệ thống văn bản điện tử của khối các cơ quan đảng phục vụ gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp giữa các cơ quan đảng, chính quyền, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, tăng cường trao đổi văn bản điện tử, giảm chi phí giấy tờ, tài liệu... Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị khối chính quyền trên địa bàn tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt gần 100%.

- Đến thời điểm hiện tại, tỉnh đã được cấp trên 8.000 chứng thư số cho tổ chức, cá nhân và hơn 1.300 SIM PKI. 100% các cơ quan nhà nước đã sử dụng chữ ký số chuyên dùng của tổ chức và 100% lãnh đạo cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số cá nhân để trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng. Chữ ký số đã được tích hợp vào các hệ thống: phần mềm văn phòng điện tử, phần mềm một cửa điện tử để thuận tiện trong quá trình trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

- Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh duy trì hoạt động ổn định (địa chỉ mail.binhdingh.gov.vn), 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp hộp thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc mở rộng đến các đơn vị sự nghiệp, cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, số tài khoản thư điện tử đã cấp cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh là 16.458 tài khoản.

- Hệ thống phòng họp không giấy đã được triển khai sử dụng tại Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phục vụ các cuộc họp, đảm bảo mục tiêu phục vụ tốt công tác triển khai cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu, hiện đại hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Bên cạnh việc triển khai ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần hiện đại hóa nền hành chính và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường đã đưa vào vận hành thử nghiệm Hệ thống thông tin quản lý đất đai tỉnh Bình Định (VNPT-iLis) và Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản tỉnh Bình Định (VNPT-iMineral) trên địa bàn toàn tỉnh

+ Hệ thống thông tin cán bộ công chức, viên chức: Đến nay, đã có 32.152 cán bộ, công chức, viên chức và công chức cấp xã, hợp đồng lao động (đạt tỷ lệ 100%) đã thực hiện kê khai, cập nhật dữ liệu vào hệ thống. Trong đó, số lượng hồ sơ đã được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý là 32.152 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%).

+ Hệ thống dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân được kết nối, liên thông từ các phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS), quản lý y tế cơ sở, tiêm chủng mở rộng và đã được liên thông với ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp vào VneID. Hệ thống phần mềm trạm y tế xã được kết nối liên thông

dữ liệu phần mềm HIS với dữ liệu với tuyến huyện, tuyến tỉnh; đồng thời liên thông với phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Các cơ sở dữ liệu giáo dục trong tỉnh đã tích cực tham gia xây dựng tài liệu, giáo trình điện tử phục vụ giảng dạy và học tập; đồng thời chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến qua kho tài nguyên số của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Các hệ thống thông tin tài chính: Quản lý ngân sách nhà nước và kho bạc (TABMIS); Hệ thống công khai ngân sách; Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá; Hệ thống quản lý tài sản công; Kho thu chi ngân sách, danh mục dùng chung, cập nhật báo cáo lên phần mềm công khai ngân sách của Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý chuyên môn nghiệp vụ.

## **5. Hoạt động cung cấp các dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp**

a. Ứng dụng công nghệ thông tin để công khai cung cấp thông tin cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh <https://binhdinh.gov.vn> và Trang thông tin điện tử của 21 sở, ban, ngành; 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện đã đáp ứng các chức năng hỗ trợ cơ bản về tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng, kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Cổng thông tin điện tử tỉnh thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin theo đúng quy định.

- Cổng dữ liệu mở của tỉnh <https://opendata.binhdinh.gov.vn> được vận hành hoạt động theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Bình Định. Các sở, ban, ngành của tỉnh đã thực hiện cung cấp dữ liệu mở theo danh mục tại Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh về cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 lên Cổng dữ liệu mở tỉnh.

b. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp

- Cổng dịch vụ công tỉnh <https://dichvucong.binhdinh.gov.vn> hiện đang cung cấp 2.032 thủ tục hành chính (trong đó có 763 Dịch vụ công trực tuyến một phần, 1.059 Dịch vụ công trực tuyến toàn trình). Hệ thống được kết nối với

Cổng Dịch vụ công quốc gia và kết nối, chia sẻ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ xác thực, định danh khai thác dữ liệu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã kết nối với Hệ thống thông tin của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) để triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định qua dịch vụ Bưu chính công ích.

c. Ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh

- Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Bình Định (Trung tâm IOC - Intelligent Operation Center) đi vào hoạt động từ ngày 16/10/2021. Hiện tại Trung tâm IOC luôn duy trì với 08 dịch vụ<sup>1</sup>. Tính đến ngày 10/5/2024, số liệu lượt tải cài đặt Smartcity Bình Định có tổng cộng 9.922 lượt cài đặt.

- Cổng thông tin du lịch với tên miền <http://dulichbinhding.com.vn> do Sở Du lịch đang vận hành; tạo lập cơ sở dữ liệu về khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch và khách du lịch và kết nối liên thông giữa cơ quan nhà nước về du lịch với doanh nghiệp du lịch.

## **6. Bảo đảm an toàn thông tin mạng**

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng luôn được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quy định về công tác an toàn thông tin mạng như: Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định...; các chương trình, kế hoạch, văn bản cảnh báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương thực hiện việc đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>. Qua đó, tạo hành lang pháp lý quan trọng để các cơ quan, cá nhân thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh mạng; 100% các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

---

<sup>1</sup> Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; Dịch vụ phản ánh hiện trường; Dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; Dịch vụ giám sát, an ninh trật tự đô thị; Dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; Hệ thống giám sát dịch vụ công; Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội; Dashboard tổng hợp giám sát điều hành.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 06/11/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, giai đoạn 2022-2025” trên địa bàn tỉnh



- Thường xuyên kiện toàn Đội Ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh để thực hiện các hoạt động ứng cứu, xử lý, khắc phục sự cố gây mất an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh, tham gia hoạt động ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia khi có yêu cầu của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng (Bộ Thông tin và Truyền thông) và Cơ quan điều phối quốc gia.

- Đã triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Định kỳ hàng tháng, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà quét, kiểm tra, đánh giá tình hình an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, kịp thời phát hiện, cảnh báo, xử lý lỗ hổng bảo mật có nguy cơ được tin tặc lợi dụng tấn công, phát tán mã độc.

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện công tác xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin do cơ quan, đơn vị trực tiếp vận hành hệ thống. Hiện nay, số lượng hệ thống thông tin thực hiện xác định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản theo quy định<sup>3</sup>.

- Công tác đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng được chú trọng: Hằng năm, các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh; tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Triển khai thực hiện các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố và tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tuy nhiên, cán bộ, công chức phụ trách về an toàn thông tin tại các cơ quan nhà nước đa phần là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin, thiếu điều kiện thực hành nâng cao trình độ, kỹ năng khai thác thông tin trên môi trường mạng.

## **7. Phát triển nhân lực chuyên đổi số**

<sup>3</sup> Số hệ thống thông tin của tỉnh đang vận hành tại Trung tâm dữ liệu: 5 hệ thống. Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ: 33 hệ thống, đạt tỷ lệ 100%, trong đó: Số hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 2 tương ứng với tỷ lệ phần trăm trên tổng số hệ thống thông tin được phê duyệt: 31 hệ thống/ tỷ lệ 94%; Số hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 3 tương ứng với tỷ lệ phần trăm trên tổng số hệ thống thông tin được phê duyệt: 2 hệ thống/tỷ lệ 6%. Các hệ thống đã triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt (33 hệ thống/tỷ lệ 100%).

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm chỉ đạo thực hiện và bố trí biên chế cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách/kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh là 508 người (Tổng số cán bộ công chức chuyên trách/kiêm nhiệm công nghệ thông tin của tỉnh từ cấp huyện trở lên là 58 người).

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 04/5/2022 về việc triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Đề án 146). Từ năm 2014 - 2024, đã tổ chức khoảng trên 50 lớp tập huấn công nghệ thông tin cho khoảng trên 14.150 lượt cán bộ tham gia. Thông qua các chương trình tập huấn, bồi dưỡng đã giúp cho công chức, viên chức củng cố được kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc, góp phần tạo nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch ở chính quyền các cấp.

## **8. Phát triển kinh tế số**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 06/4/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Tại Hội thảo hợp tác phát triển CNTT-TT Việt Nam lần thứ 24 tổ chức tại tỉnh đã thu hút 20 doanh nghiệp công nghệ số tham gia triển lãm, giới thiệu các sản phẩm, công nghệ mới, phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số và kết nối, chia sẻ trong xu hướng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Ngoài ra, tỉnh cũng tổ chức các đoàn công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm kêu gọi các nhà đầu tư, nhất là liên quan về lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo. Số lượng doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT) trên địa bàn tỉnh hiện có 204 doanh nghiệp.

- Tỉnh Bình Định đã thành lập Khu Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định, hiện có Công ty TMA Bình Định và Công ty Fsoft Quy Nhơn đang làm việc tại Khu, với trên 1.300 nhân sự. Chính phủ đã kết nạp Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở TT&TT tham gia vào Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung theo Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 18/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, có 02 dự án đang triển khai, gồm: Trung

tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ Long Vân; Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, đã tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân đưa hơn 200 sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT. Số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 554/586 hộ SXNN toàn tỉnh, đạt 94,5%.

- 100% doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp áp dụng hóa đơn thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử.

### **9. Phát triển xã hội số**

- Triển khai Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 27/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Có 11/11 huyện, thị xã, thành phố có văn bản/kế hoạch triển khai trên địa bàn, với 159/159 xã, phường, thị trấn đã thực hiện thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại 1.176 thôn/xóm với 4.353 người tham gia. Các Tổ công nghệ cộng đồng đã ra quân thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia các ứng dụng, dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp; hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở tài khoản dịch vụ công, tài khoản VNeID; Dịch vụ phản ánh hiện trường của đô thị thông minh...Cụ thể: (1) “Về mở tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia”: đã tạo được 74.390/63.226 tài khoản, đạt 118% chỉ tiêu; (2) “66.000 người dân ngoài độ tuổi thanh niên được đoàn viên thanh niên hướng dẫn, hỗ trợ mở tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia”: đã hỗ trợ người dân tạo 113.813 tài khoản, đạt 172% chỉ tiêu được giao trong năm 2023; (3) “40% tổng số tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia (của đoàn viên thanh niên và của người dân được đoàn viên thanh niên hướng dẫn tạo lập) có phát sinh giao dịch thực tế”: hiện có 64.741/188.203 tài khoản có phát sinh giao dịch thực tế, đạt tỷ lệ 34%, tăng 2 điểm % so với kỳ báo cáo trước; (4) Đến hiện tại, tỉnh đã thu nhận tài khoản định danh điện tử cho 1.195.107/1.256.188 trường hợp, công dân đủ điều kiện, đạt tỷ lệ 95,14%; kích hoạt tài khoản Định danh điện tử 1.006.251/1.256.188 trường hợp.

- Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng tiếp tục được chú trọng mở rộng, đặc biệt trong các lĩnh vực như: thu, chi ngân sách nhà nước, giáo dục, y tế, an sinh xã hội (ASXH)... 100% các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế đã triển khai thực hiện thanh toán điện tử không dùng tiền mặt và đơn thuốc điện tử. Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn và Trung tâm y tế thành

phổ Quy Nhơn đã triển khai thanh toán trực tuyến một số thủ tục viện phí khám bệnh, chữa bệnh thông qua cổng Dịch vụ công của tỉnh và đã được Văn phòng Chính phủ đánh giá cao tại Báo cáo số 8244/BC-VPCP ngày 23/10/2023. Triển khai 100% trường học thanh toán học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí không dùng tiền mặt cho tất cả các trường học.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, những năm qua, công tác chuyển đổi trên địa bàn tỉnh có bước chuyển biến mới cả về nhận thức và hành động, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, có hệ thống từ tỉnh đến cơ sở và đã đạt được kết quả quan trọng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần thay đổi phong cách làm việc của các cấp lãnh đạo, cán bộ, công chức, doanh nghiệp, bảo đảm khoa học, nhanh chóng; nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, Nhân dân của các cơ quan nhà nước.

- Hạ tầng viễn thông được triển khai đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được đầu tư và phát triển theo đúng định hướng và quy hoạch; chú trọng tăng cường số lượng và chất lượng nguồn lực công nghệ thông tin để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong cơ quan nhà nước và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số được nâng lên.

### **2. Khó khăn, hạn chế**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều hành tại một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức.

- Chưa hoàn thiện phát triển hạ tầng Internet băng rộng đến hầu hết thôn/xóm trên địa bàn tỉnh.

- Cơ sở dữ liệu của các ngành còn rời rạc dẫn đến khó khăn trong kết nối, liên thông và chia sẻ. Cơ sở dữ liệu hiện có dữ liệu chưa đầy đủ, cần được cập nhật thường xuyên, làm sạch để thực hiện kết nối và chia sẻ.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các cơ quan cấp huyện, cấp xã còn thiếu và năng lực chuyên môn còn yếu nên việc triển khai thực hiện công

tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng còn hạn chế. Việc thu hút cán bộ có trình độ cao về công nghệ thông tin đến công tác tại tỉnh chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị hầu hết là kiêm nhiệm, bán chuyên trách nên gặp nhiều khó khăn trong việc quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị; nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các cơ quan cấp xã vẫn còn nhiều hạn chế.

- Việc đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các đối tượng hưởng chính sách, các hộ kinh doanh cá thể, tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tại các chợ truyền thống còn gặp nhiều khó khăn.

### **3. Nguyên nhân của hạn chế**

#### **a. Nguyên nhân khách quan**

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số là lĩnh vực phát triển nhanh nên đòi hỏi sự thay đổi, thích ứng kịp thời.

- Là tỉnh địa hình tương đối rộng, có xã vùng sâu, vùng xa, nên việc phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng viễn thông còn khó khăn.

- Người dân, nhất là những người lớn tuổi vẫn quen sử dụng tiền mặt, ngại tiếp cận với các dịch vụ công nghệ mới, cũng như lo ngại về an toàn trong thanh toán không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng thanh toán không dùng tiền mặt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

- Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu.

#### **b. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức của các cấp, các ngành trong giai đoạn đầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế nên công tác chỉ đạo, điều hành thiếu quan tâm, chưa mạnh mẽ và quyết liệt.

- Đầu tư cho hạ tầng số chưa thực sự được coi là đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; khuyến cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông là cần đầu tư tối thiểu 1% chi ngân sách cấp tỉnh cho lĩnh vực công nghệ thông tin; tuy nhiên, tính cho cả giai đoạn 3 năm thì mục tiêu này vẫn chưa thực hiện được.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

#### **I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

##### **1. Về nâng cao nhận thức và vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền**

Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 05-NQ/TU và các văn bản liên quan; đổi mới, đa dạng hóa các nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và nhân dân trong toàn tỉnh về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số một cách thiết thực, có hiệu quả trên toàn tỉnh; kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải chịu trách nhiệm và trực tiếp chỉ đạo quyết liệt việc khai thác, sử dụng tốt hệ thống công nghệ thông tin, các phần mềm, tiện ích trong nội bộ đơn vị; yêu cầu cán bộ, công chức chủ động, tích cực, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tăng cường xử lý công việc, trao đổi sử dụng văn bản điện tử trên môi trường mạng.

##### **2. Về hoàn thiện cơ chế, chính sách**

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số; ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin hợp với đặc thù phát triển kinh tế của tỉnh; xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin các cơ quan đảng, nhà nước và cơ chế đánh giá thi đua khen thưởng hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với tiêu chí xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Rà soát, sửa đổi, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

##### **3. Về xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng thông tin đồng bộ**

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, bổ sung hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy, Trung tâm hạ tầng thông tin tỉnh bảo đảm là trung tâm kết nối các hệ thống hạ tầng thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục duy trì vận hành hiệu quả, an toàn thông tin đối với Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh và các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nâng cấp hạ tầng, dung lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, triển khai và sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình hiệu quả; bổ sung thiết bị công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành, địa phương.

#### **4. Về hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cập nhật dữ liệu, số hóa các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tất cả các lĩnh vực liên quan như dịch vụ hành chính công, dân cư, đăng ký kinh doanh, tài chính, bảo hiểm, xây dựng, đất đai, môi trường, điện, nước...; hình thành kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu các cấp, các ngành để kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, nhân dân tham gia khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng các nền tảng cho chuyển đổi số, trong đó ưu tiên các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực mà địa phương ưu tiên chuyển đổi số như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông vận tải. Sử dụng hiệu quả, thực hiện kết nối với các nền tảng số dùng chung có quy mô quốc gia về: tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia, định danh và xác thực điện tử quốc gia, thanh toán điện tử; giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng; các nền tảng chuyên ngành...

- Phát triển, mở rộng các ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước các cấp (hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống báo cáo; hệ thống văn phòng điện tử, hệ thống họp không giấy,...; các ứng dụng chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; họp trực tuyến, làm việc từ xa;...). Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ số và các thiết bị di động thông minh (cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa điện tử; xây dựng, cung cấp dữ liệu mở;...).

- Triển khai các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn; thí điểm các mô hình và dịch vụ xã, phường, thị trấn thông minh.

### **5. Về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin**

- Xây dựng cơ chế ưu tiên thu hút nhân lực công nghệ thông tin có trình độ cao; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý; hình thành đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin; triển khai áp dụng các chuẩn kỹ năng, chuẩn nghề về công nghệ thông tin tương thích chuẩn quốc gia.

- Quan tâm công tác đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức nhằm bảo đảm nhân lực cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân, đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình các cấp học của tỉnh.

### **6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số sản xuất các sản phẩm công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo.

- Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, tháo gỡ giới hạn về địa lý trong kết nối thương mại; phát triển sàn thương mại điện tử của tỉnh đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất triển khai các ứng dụng số, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh.

### **7. Về bảo đảm an toàn thông tin mạng cho chuyển đổi số**

- Xây dựng các quy định, quy chế bảo đảm an toàn mạng theo mô hình 4 lớp; thành lập các tổ chức bộ máy, các hệ thống giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng có đầy đủ trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình



chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường mạng.

## **8. Về tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế**

Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục, đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có uy tín ở trong và ngoài nước để nghiên cứu, chuyên gia, triển khai các công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại, tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ; nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới...

## **II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về tài chính ngân sách có quy định bố trí tối thiểu 1% chi ngân sách địa phương dành cho triển khai chương trình chuyển đổi số.

- Có chương trình hỗ trợ điện thoại thông minh cho gia đình hộ nghèo và có chính sách hỗ trợ mua điện thoại thông minh cho vùng khó khăn để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin và tham gia sử dụng các dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp.

- Thực hiện giao chỉ tiêu thanh toán trực tuyến cho phù hợp giữa các địa phương với các thành phố lớn.

### **2. Đối với các bộ, ngành Trung ương**

- Hiện nay, các CSDL quốc gia đã được các cơ quan Trung ương xây dựng và chia sẻ dữ liệu với địa phương qua API. Tuy nhiên, với hình thức chia sẻ này, các địa phương gặp rất nhiều khó khăn khi xây dựng Kho dữ liệu số cấp tỉnh, thực hiện truy vấn dữ liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu ở địa phương. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, xem xét, có ý kiến với các bộ ngành liên quan để cho phép địa phương được sở hữu

dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình trên các CSDL quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các Kho dữ liệu số cấp tỉnh.

- Thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, ngành lựa chọn và công bố các nền tảng số trên nhiều lĩnh vực. Để đảm bảo việc triển khai thống nhất, thuận lợi khi kết nối các hệ thống thông tin quan trọng trong phạm vi toàn quốc, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tính toán lựa chọn và đầu tư tập trung các nền tảng quan trọng để sử dụng cho tất cả các địa phương. Thực hiện được việc này sẽ là một trong những giải pháp quan trọng để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương không phải loay hoay chỉnh sửa, nâng cấp phần mềm khi có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung tính năng của các hệ thống ở Trung ương.

- Về đo lường đóng góp giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP của quốc gia và trong GRDP của địa phương: Hiện tại, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 1354/QĐ-BTTTT ngày 07/7/2022 ban hành Bộ chỉ tiêu, công cụ đo lường kinh tế số; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 Quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số; tuy nhiên, việc tính toán tỷ trọng KTS/GDP và GRDP là rất phức tạp. Các địa phương khó triển khai việc thu thập, tính toán đối với các chỉ tiêu này. Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, có công cụ hỗ trợ đo lường thông qua kết nối, thu thập, phân tích dữ liệu trực tiếp từ các nền tảng số của ngành, lĩnh vực, hỗ trợ cho các địa phương để theo dõi tình hình thực hiện các chỉ số thuộc danh mục hệ thống chỉ tiêu kinh tế số đã được ban hành.

- Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra sản phẩm.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, PVP VX;
- Lưu VT, K9.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC****CÁC VĂN BẢN THỂ CHẾ HÓA VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2024 của UBND tỉnh Bình Định)*

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
1	Quyết định	429/QĐ-UBND	03/02/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc phê duyệt kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021
2	Kế hoạch	96/KH-UBND	23/9/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh
3	Quyết định	60/2021/QĐ-UBND	07/10/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định
4	Kế hoạch	107/KH-UBND	19/10/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin giai

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
					đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh
5	Kế hoạch	111/KH-UBND	24/10/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc thực hiện Chương trình “Sống và máy tính cho em” trên địa bàn tỉnh
6	Quyết định	5151/QĐ-UBND	23/12/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định (phiên bản 1.0)
7	Quyết định	5183/QĐ-UBND	27/12/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
8	Quyết định	107/QĐ-UBND	11/01/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định
9	Quyết định	347/QĐ-UBND	27/01/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030”

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
					trên địa bàn tỉnh Bình Định
10	Quyết định	888/QĐ-UBND	21/3/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định
11	Kế hoạch	39/KH-UBND	25/4/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định
12	Quyết định	51/2022/QĐ-UBND	16/8/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Bình Định
13	Kế hoạch	59/KH-UBND	25/4/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
14	Quyết định	1253/QĐ-UBND	18/4/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
15	Kế hoạch	66/KH-UBND	04/5/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Định
16	Kế hoạch	72/KH-UBND	11/5/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về chuyển đổi số trên lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022
17	Kế hoạch	77/KH-UBND	27/5/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định
18	Kế hoạch	95/KH-UBND	07/7/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về chuyển đổi số trong ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030
19	Kế hoạch	127/KH-UBND	17/9/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định
20	Kế hoạch	138/KH-UBND	18/10/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định
21	Kế hoạch	156/KH-UBND	06/11/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
					tao trên môi trường mạng, giai đoạn 2022-2025” trên địa bàn tỉnh Bình Định
22	Quyết định	423/QĐ-UBND	17/02/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh
23	Kế hoạch	44/KH-UBND	10/3/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025
24	Chỉ thị	02/CT-UBND	03/4/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025
25	Kế hoạch	67/KH-UBND	06/4/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030
26	Quyết định	1901/QĐ-UBND	30/5/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Định

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
27	Quyết định	2268/QĐ-UBND	22/6/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban hành Bộ chỉ số (KPI) để giám sát và đo lường quá trình xây dựng và phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định (Phiên bản 1.0)
28	Quyết định	3119/QĐ-UBND	21/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc bổ sung, điều chỉnh, ngừng sử dụng mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh
29	Kế hoạch	147/KH-UBND	28/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định
30	Kế hoạch	166/KH-UBND	16/10/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025
31	Quyết định	4466/QĐ-UBND	01/12/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt danh mục 42 mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Bình Định
32	Quyết định	540/QĐ-UBND	07/02/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển



<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
					ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trong năm 2024
33	Kế hoạch	33/KH-UBND	23/02/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024
34	Quyết định	1397/QĐ-UBND	22/4/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc thành lập Ban chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định
35	Kế hoạch	95/KH-UBND	14/5/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số, giai đoạn 2024 – 2025
36	Kế hoạch	109/KH-UBND	29/5/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày, tháng, năm ban hành</b>	<b>Đơn vị ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
37	Quyết định	2189/QĐ-UBND	21/6/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về việc bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.